

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT
TRIỂN ĐÔ THỊ QUẢNG BÌNH**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2020**

Quảng Bình, tháng 04 năm 2021



MỤC LỤC

| | | |
|-------------|--|-----------|
| I. | THÔNG TIN CHUNG..... | 4 |
| 1. | Thông tin khái quát..... | 4 |
| 2. | Quá trình hình thành, phát triển của Công ty..... | 4 |
| 3. | Ngành nghề và địa bàn kinh doanh của Công ty..... | 6 |
| 4. | Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý..... | 7 |
| 5. | Chiến lược, định hướng phát triển..... | 10 |
| 6. | Các rủi ro..... | 12 |
| II. | TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM..... | 13 |
| 1. | Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh..... | 13 |
| 2. | Tổ chức và nhân sự..... | 14 |
| 1. | Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án..... | 23 |
| 2. | Tình hình tài chính của Công ty..... | 23 |
| 3. | Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu..... | 24 |
| 4. | Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty..... | 25 |
| 6.1. | Quản lý nguồn nguyên liệu vật liệu..... | 25 |
| 6.2. | Tiêu thụ năng lượng..... | 25 |
| 6.3. | Tiêu thụ nước..... | 26 |
| 6.4. | Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường..... | 26 |
| 6.5. | Chính sách liên quan đến người lao động..... | 26 |
| 6.6. | Báo cáo liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng địa phương..... | 27 |
| III. | BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC..... | 27 |
| 1. | Đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh..... | 27 |
| 2. | Tình hình tài chính..... | 28 |
| 2.2. | Những cải tiến về cơ cấu, chính sách quản lý..... | 30 |
| 2.3. | Kế hoạch phát triển trong tương lai..... | 30 |
| 2.4. | Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có..... | 31 |
| 2.5. | Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty..... | 31 |
| II. | ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY..... | 32 |
| 1. | Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội..... | 32 |
| 2. | Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc..... | 32 |
| 3. | Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị..... | 33 |
| III. | QUẢN TRỊ CÔNG TY..... | 33 |
| 1. | Hội đồng quản trị..... | 33 |
| 2. | Ban Kiểm soát..... | 37 |
| 3. | Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát..... | 38 |
| IV. | BÁO CÁO TÀI CHÍNH..... | 39 |

| | | |
|----|--|----|
| 1. | Ý kiến kiểm toán | 39 |
| 2. | Báo cáo tài chính được kiểm toán | 39 |

DANH MỤC BẢNG BIỂU

| | |
|--|----|
| Bảng 1: Một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh | 6 |
| Sơ đồ 1: Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty | 7 |
| Bảng 2: Cơ cấu Tổng Doanh thu | 14 |
| Bảng 3: Cơ cấu chi phí | 14 |
| Bảng 4: Danh sách Giám đốc và các cán bộ quản lý | 14 |
| Bảng 5: Cơ cấu lao động tính đến thời điểm 31/12/2020 | 21 |
| Bảng 6: Tình hình tài chính | 23 |
| Bảng 7: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu | 23 |
| Bảng 8: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 29/03/2021 | 24 |
| Bảng 9: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên tại thời điểm 29/03/2021 | 25 |
| Bảng 10: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 | 27 |
| Bảng 11: Tình hình tài sản của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2020 | 28 |
| Bảng 12: Tình hình nợ phải trả của Công ty năm 2019 - 2020 | 28 |
| Bảng 13: Tình hình khoản phải thu của Công ty năm 2019 - 2020 | 29 |
| Bảng 14: Kế hoạch phát triển của Công ty | 30 |
| Bảng 15: Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị | 33 |
| Bảng 16: Kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2020 | 35 |
| Bảng 17: Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị năm 2020 | 35 |
| Bảng 18: Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát | 37 |

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

| | |
|-------------------------------|---|
| Tên giao dịch | : Công ty Cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình |
| Giấy CNĐKDN số | : Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3100488562 do Sở kế hoạch Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp lần đầu ngày 12 tháng 08 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 27/04/2018 |
| Vốn điều lệ theo GĐKKD | : 36.756.750.000 đồng |
| Vốn điều lệ thực góp | : 36.756.750.000 đồng |
| Địa chỉ | : Số 01 đường Hoàng Văn Thái, phường Nam Lý, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình |
| Số điện thoại | : 0232.3889288 |
| Số fax | : 0232.3889279 |
| Website | : www.urencoquangbinh.com.vn |
| Mã cổ phiếu | : MQB |

2. Quá trình hình thành, phát triển của Công ty

| Thời gian | Mô tả | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|-----------|---|------------------|----------------|------------------|----------------|-------|---|--------------|-----------|----------------|--------|---|---------------|---------|---------------|--------|-----|---|---------|---------------|-------|
| 2009 | Tiền thân của Công ty là Công ty TNHH MTV Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình được thành lập theo Quyết định số 1136/QĐ-UBND ngày 28/5/2009 của UBND tỉnh Quảng Bình. Công ty TNHH MTV Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình là doanh nghiệp công ích, 100% vốn Nhà nước và hoạt động trong lĩnh vực môi trường, phát triển đô thị. Bên cạnh đó, Công ty là chủ đầu tư, xây dựng các công trình vệ sinh môi trường, hạ tầng kỹ thuật đô thị từ nguồn vốn ODA và ngân sách do UBND tỉnh Quảng Bình giao | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2015 | Ngày 12/02/2015, UBND tỉnh Quảng Bình ban hành Quyết định số 453/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình thành công ty cổ phần, trong đó: Vốn điều lệ dự kiến sau cổ phần hóa là 36.756.750.000 đồng và cơ cấu vốn điều lệ dự kiến như sau: | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | <table border="1"> <thead> <tr> <th>STT</th> <th>Đối tượng</th> <th>Số lượng cổ phần</th> <th>Giá trị (đồng)</th> <th>Tỷ lệ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Vốn nhà nước</td> <td>2.385.513</td> <td>23. 55.130.000</td> <td>64,90%</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Bán cho CBCNV</td> <td>467.100</td> <td>4.671.000.000</td> <td>12,71%</td> </tr> <tr> <td>2.1</td> <td><i>Bán ưu đãi cho CBCNV theo thời gian thực tế làm việc tại</i></td> <td>221.600</td> <td>2.216.000.000</td> <td>6,03%</td> </tr> </tbody> </table> | STT | Đối tượng | Số lượng cổ phần | Giá trị (đồng) | Tỷ lệ | 1 | Vốn nhà nước | 2.385.513 | 23. 55.130.000 | 64,90% | 2 | Bán cho CBCNV | 467.100 | 4.671.000.000 | 12,71% | 2.1 | <i>Bán ưu đãi cho CBCNV theo thời gian thực tế làm việc tại</i> | 221.600 | 2.216.000.000 | 6,03% |
| STT | Đối tượng | Số lượng cổ phần | Giá trị (đồng) | Tỷ lệ | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Vốn nhà nước | 2.385.513 | 23. 55.130.000 | 64,90% | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Bán cho CBCNV | 467.100 | 4.671.000.000 | 12,71% | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2.1 | <i>Bán ưu đãi cho CBCNV theo thời gian thực tế làm việc tại</i> | 221.600 | 2.216.000.000 | 6,03% | | | | | | | | | | | | | | | | | |

| | | | | |
|-----|---|------------------|-----------------------|-------------|
| | <i>khu vực nhà nước</i> | | | |
| 2.2 | <i>Bán cho CBCNV theo năm cam kết làm việc tại CTCP</i> | 245.500 | 2.455.000.000 | 6,68% |
| 3 | Bán đấu giá cổ phần lần đầu (IPO) | 823.062 | 8.230.620.000 | 22,39% |
| | Tổng cộng | 3.675.675 | 36.756.750.000 | 100% |

Căn cứ Phương án cổ phần hóa được phê duyệt, ngày 17/04/2015, Công ty đã tổ chức bán đấu giá công khai 823.062 cổ phần lần đầu ra bên ngoài tại trụ sở chính của Công ty, với giá khởi điểm là 10.000 đồng/cổ phần. Kết quả đấu giá: có 200 cổ phần được phân phối cho 02 nhà đầu tư đăng ký tham gia với giá trúng thành công bình quân là 10.000 đồng/cổ phần.

Ngày 19/06/2015, UBND tỉnh Quảng Bình ra Quyết định số 1653/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ để chuyển Công ty TNHH MTV Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình thành Công ty cổ phần, theo đó, vốn nhà nước là 32.125.750.000 đồng, chiếm 87,40% vốn điều lệ; vốn cổ đông khác là 4.631.000.000 đồng, chiếm 12,60% vốn điều lệ.

2017

Ngày 16/02/2017, Công ty Cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình đã tiến hành Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất để chuyển đổi mô hình từ công ty TNHH MTV sang mô hình Công ty cổ phần

Ngày 01/03/2017, Công ty chính thức chuyển đổi sang công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3100488562 do Sở kế hoạch Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp lần đầu ngày 12/08/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 01/03/2017. Vốn điều lệ của Công ty là 36.756.750.000 đồng.

Ngày 01/11/2017, Công ty chính thức giao dịch cổ phiếu trên thị trường UPCOM (Mã chứng khoán MQB) theo Quyết định số 906/QĐ-SGDHN của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

2018

Thực hiện chủ trương thoái phần vốn Nhà nước theo quy định tại Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh mục doanh nghiệp có vốn Nhà nước thực hiện thoái vốn giai đoạn 2017-2020 và các văn bản khác có liên quan, trong năm 2018, UBND tỉnh Quảng Bình đã triển khai phương án bán bớt 827.027 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 22,5% vốn điều lệ của công ty theo phương thức giao dịch (khớp lệnh, thỏa thuận) theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Kết quả giao dịch, UBND tỉnh Quảng Bình đã bán được 217.400 cổ phần trong tổng số 827.027 cổ phần đăng ký bán. Số cổ phần UBND tỉnh Quảng Bình nắm giữ còn lại tại Công ty sau đợt thoái vốn là 2.995.175 cổ phần, chiếm 81,49% vốn điều lệ Công ty.

2019

Tiếp tục triển khai thoái vốn Nhà nước theo lộ trình, trong năm 2019, UBND tỉnh Quảng Bình dự kiến thực hiện chuyển nhượng 1.120.546 cổ phần, tương đương với tỷ lệ 30,49% vốn điều lệ tại Công ty, sau khi chuyển nhượng, UBND

tỉnh Quảng Bình nắm giữ còn lại 51% vốn điều lệ. Việc chuyển nhượng vốn được thực hiện theo phương thức đấu giá công khai tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo quy định. Tuy nhiên, đến hết thời hạn nhận đơn đăng ký tham gia đấu giá, không có nhà đầu tư đăng ký mua, căn cứ quy chế đấu giá, cuộc đấu giá không đủ điều kiện tổ chức. Kết quả, UBND tỉnh Quảng Bình tiếp tục nắm giữ 2.995.175 cổ phần tại Công ty cổ phần Môi trường và Phát triển Quảng Bình, tương đương 81,49% vốn điều lệ Công ty đến nay.

Trải qua gần 11 năm phát triển và trưởng thành, Công ty là đơn vị có nhiều kinh nghiệm cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải, quản lý điện chiếu sáng công cộng cho địa bàn thành phố Đồng Hới và các khu vực lân cận

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh của Công ty

Theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 3100488562 do Sở kế hoạch Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp lần đầu ngày 12 tháng 08 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 27 tháng 04 năm 2018, ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty như sau:

| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|-----|--|----------|
| 1 | Thu gom rác thải không độc hại Chi tiết: Quản lý, thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải, quản lý và vận hành rác thải | 3811 |
| 2 | Thoát nước và xử lý nước thải Chi tiết: Quản lý duy tu, duy trì, bảo vệ, vận hành hệ thống thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải - Quản lý khai thác sử dụng hệ thống các hồ điều hòa, điều tiết, kênh, mương đê bao, các công ngăn triều phục vụ yêu cầu thoát nước đô thị | 3700 |
| 3 | Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: Quản lý, duy tu, sửa chữa hệ thống điện chiếu sáng đô thị | 4321 |
| 4 | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp Chi tiết: Dịch vụ hút bể phốt, hầm cầu; Dịch vụ vệ sinh | 8110 |
| 5 | Hoạt động dịch vụ tang lễ Chi tiết: Dịch vụ đưa tang | 9632 |
| 6 | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Quản lý các dự án do Công ty làm chủ đầu tư và các dự án do UBND tỉnh giao; xây dựng, quản lý các công trình thoát nước vệ sinh môi trường và các công trình phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị, điện chiếu sáng công cộng và các công trình khác; Quản lý duy tu, sửa chữa nghĩa trang, nghĩa địa | 4290 |
| 7 | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn thiết kế, thẩm tra công trình dân dụng, công trình | 7110 |

| | | |
|----|--|------|
| | cấp thoát nước và vệ sinh môi trường, đánh giá tác động môi trường; Giám sát, thi công các công trình dân dụng cấp thoát nước, điện chiếu sáng công cộng và các công trình khác. | |
| 8 | Giáo dục nghề nghiệp Chi tiết: Đào tạo công nhân trong lĩnh vực cấp thoát nước và vệ sinh môi trường | 8532 |
| 9 | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh Chi tiết: Sản xuất sản phẩm các dịch vụ xử lý; chế phẩm vệ sinh | 2023 |
| 10 | Chi thuê xe có động cơ | 7710 |
| 11 | Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: Đầu tư xây dựng, liên doanh, liên kết, góp vốn cổ phần | 7020 |

Địa bàn kinh doanh:

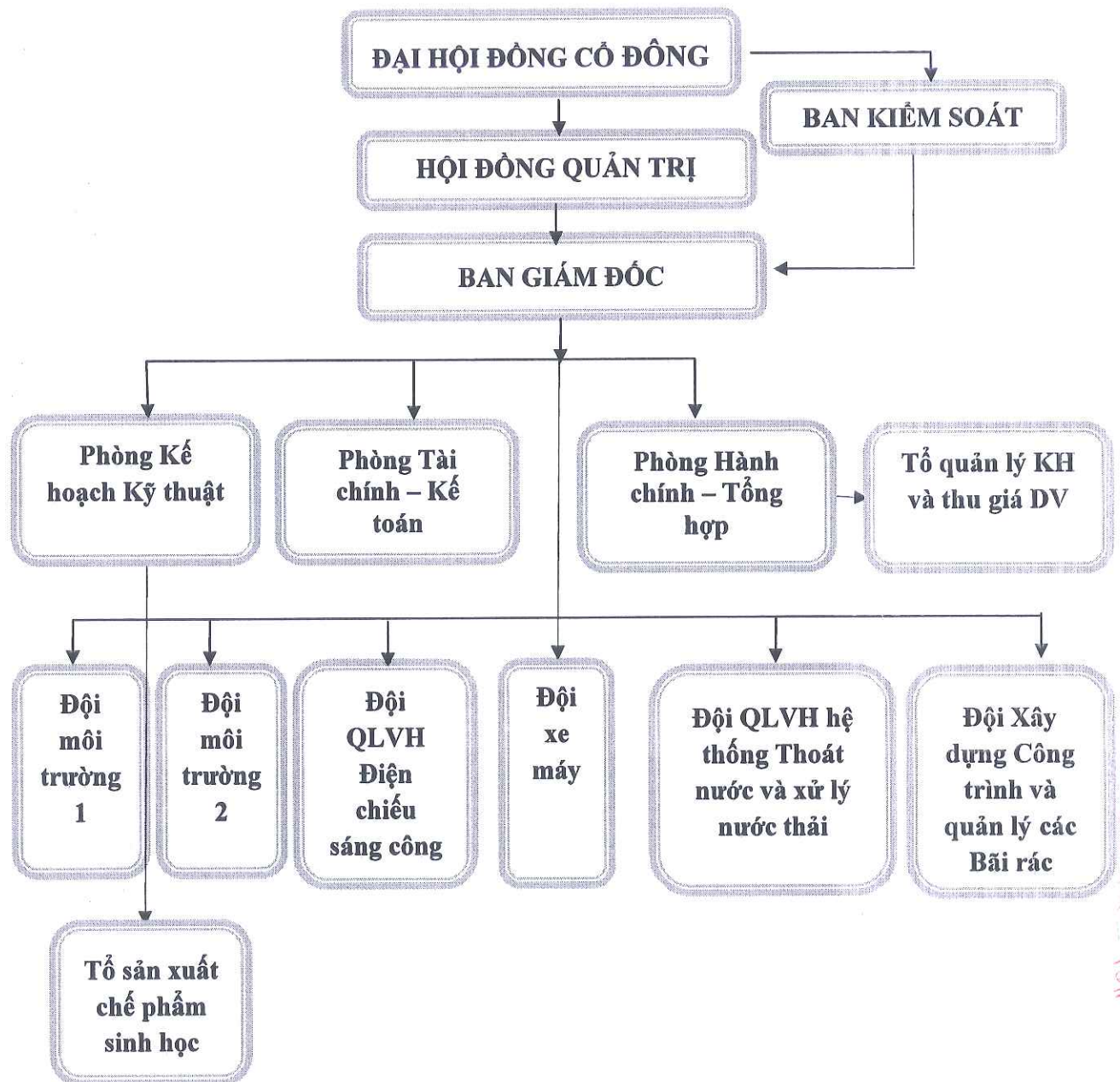
Trên địa bàn thành phố Đồng Hới và các khu vực lân cận.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

↓ Mô hình quản trị

Hiện tại, Công ty Cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình đang áp dụng theo mô hình tổ chức của Công ty cổ phần. Bộ máy quản lý của Công ty được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển, chiến lược kinh doanh của Công ty, đồng thời tuân thủ theo các quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc.

Sơ đồ 1: Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty



(Nguồn: Công ty Cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình)

Để đảm bảo kinh doanh có hiệu quả, Công ty đã tổ chức bộ máy chức năng nhiệm vụ có trách nhiệm quyền hạn như sau:

- ❖ **Đại hội đồng cổ đông:** Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được luật pháp và điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt, các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo.
- ❖ **Hội đồng quản trị:** Là cơ quan quản lý Công ty có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc điều hành và những người quản lý khác.

- ❖ **Ban Kiểm soát:** Là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.
- ❖ **Ban Giám Đốc:** Điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

Các Phòng ban nghiệp vụ, Bộ phận sản xuất kinh doanh của Công ty.

Các phòng ban, chi nhánh, đơn vị trực thuộc tham mưu, giúp việc cho Ban Giám đốc trong các mảng công việc chuyên môn do bộ phận mình phụ trách, cụ thể:

- ❖ **Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật:** Tham mưu cho Ban Giám đốc lập kế hoạch sản xuất của Công ty, kế hoạch giao khoán cho các Đội sản xuất để thực hiện nhiệm vụ được giao; Thực hiện chức năng quản lý: Môi trường, thiết bị xe máy, hệ thống điện chiếu sáng công cộng, trang trí lễ hội, hệ thống vườn hoa cây xanh, hệ thống thoát nước, bãi rác, sản xuất chế phẩm sinh học và các dự án do Công ty làm chủ đầu tư. Đồng thời, Phòng tham mưu cho Giám đốc lập dự án nghiên cứu khả thi, thiết kế kỹ thuật- tổng dự toán các công trình do Công ty làm chủ đầu tư, trình phê duyệt, lập hồ sơ đấu thầu, quản lý giám sát thi công.
- ❖ **Phòng Tài chính - Kế toán:** Tham mưu cho Ban Giám đốc Công ty quản lý tài chính tuân thủ đúng theo các quy định của Việt Nam và nhà tài trợ, chịu trách nhiệm trực tiếp trước đơn vị và pháp luật về công việc thực hiện; Tổ chức, quản lý chặt chẽ công tác Tài chính - Kế toán, chịu trách nhiệm hạch toán và báo cáo theo các qui định về tài chính của Việt Nam. Đồng thời, chịu trách nhiệm trước đơn vị và pháp luật các khoản: Thuế, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Công đoàn và các khoản nộp khác đúng chế độ chính sách.
- ❖ **Phòng Hành chính – Tổng hợp:** Tham mưu cho Ban Giám đốc quản lý hệ thống văn thư lưu trữ, đánh máy, phô tô tài liệu, văn bản đã được Giám đốc phê duyệt, quản lý tài sản văn phòng, giao dịch phát hành lưu trữ các văn bản của Công ty; Quản lý hợp đồng lao động, tiền lương, BHXH và các chế độ của CNVC- LĐ trong Công ty đúng theo quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời, tham mưu cho Ban Giám đốc công tác tổ chức cán bộ, nâng lương, thi đua khen thưởng kỹ thuật.
- ❖ **Ban Quản lý các dự án:** Được thành lập để tổ chức thực hiện quản lý các dự án đầu tư do Công ty làm Chủ đầu tư. Đồng thời, trên cơ sở nhiệm vụ được giao, tổ chức lập kế hoạch hàng năm, 5 năm đề xuất các dự án đầu tư, chuẩn bị đầu tư và triển khai thực hiện các bước tiếp theo.

- ❖ **Đội Môi trường 1, 2:** Tổ chức thu gom rác thải theo giao khoán và hợp đồng ký kết; Sử dụng, quản lý các thiết bị, phương tiện thu gom rác do Công ty giao, các thùng rác công cộng, phục vụ trong việc quản lý. Đồng thời, thực hiện thu phí vệ sinh môi trường trên địa bàn đội được phân công quản lý.
- ❖ **Đội QLVH Điện chiếu sáng công cộng:** Quản lý, vận hành vận hành duy tu, sửa chữa và bảo dưỡng hệ thống điện chiếu sáng công cộng của thành phố Đồng Hới.
- ❖ **Đội Xe máy:** Quản lý vận hành các phương tiện cơ giới của Công ty (xe chở rác, xe chuyên dùng khác). Quản lý công nhân trực tiếp lái xe, quản lý chất lượng hoạt động thời gian hoạt động xe máy, phát hiện hỏng hóc để đề nghị sửa chữa, theo dõi đề nghị bảo dưỡng định kỳ.
- ❖ **Đội QLVH hệ thống thoát nước và xử lý nước thải:** Quản lý, vận hành duy tu, sửa chữa và bảo dưỡng hệ thống thoát nước mưa, nước thải và Trạm xử lý nước thải trên địa bàn thành phố Đồng Hới.
- ❖ **Đội XDCT và QL bãi rác:** Tổ chức thi công các công trình của Công ty. Cân trọng lượng rác thải, ghi chép khối lượng, hướng dẫn cho xe ra khỏi bãi đảm bảo không gây ùn tắc, sa lầy; San lấp các đống rác bằng phẳng, đầm nén trước khi đổ lớp rác tiếp theo.
- ❖ **Tổ sản xuất chế phẩm sinh học:** Nghiên cứu, phát triển ứng dụng và chuyên giao công nghệ sinh học phục vụ sản xuất công nghiệp, các tổ chức và cá nhân có nhu cầu; đồng thời, sản xuất các chế phẩm phục vụ theo yêu cầu của Công ty.
- ↓ **Các Công ty con, công ty liên kết:**
 - ❖ **Công ty con:** Không có.
 - ❖ **Công ty liên kết:** Không có.

5. Chiến lược, định hướng phát triển

5.1 Các mục tiêu chủ yếu của công ty:

Xây dựng chiến lược đầu tư phát triển hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải; quản lý vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng; quản lý, vận hành duy tu, sửa chữa và bảo dưỡng hệ thống thoát nước mưa, nước thải và Trạm xử lý nước thải nhằm phát triển thị trường và có các giải pháp cụ thể để thực hiện chiến lược phát triển Công ty, từng bước đưa Công ty phát triển.

5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- **Phát triển ngành nghề kinh doanh**
- + Chú trọng củng cố nâng cao thương hiệu của Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh trên các lĩnh vực truyền thống là thu gom, vận chuyển xử lý rác thải và

quản lý vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng.

+ Huy động sức mạnh tổng hợp của toàn công ty, khai thác tốt nhất thương hiệu của công ty cho công tác thị trường.

+ Tăng cường liên minh, liên danh, liên kết với các đối tác, ưu tiên các đối tác, các bạn hàng truyền thống trên cơ sở đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các bên.

+ Có ứng xử một cách khoa học, linh hoạt trong từng trường hợp, từng dự án cụ thể để đảm bảo hài hòa lợi ích của công ty.

+ Tiếp tục bám sát các thị trường công ty đang làm tốt, có uy tín.

- **Phát triển nguồn nhân lực**

+ Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực chuyên nghiệp trình độ cao về chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ và mở rộng kiến thức ở các lĩnh vực khác liên quan khác đáp ứng mục tiêu và yêu cầu phát triển của Công ty đến năm 2025 và những năm tiếp theo.

+ Đầu tư có trọng điểm cho công tác đào tạo các kỹ sư, cán bộ quản lý chuyên nghiệp, đội ngũ công nhân lành nghề. Hàng năm, tổ chức tuyển chọn cán bộ có năng lực, trình độ và phẩm chất chính trị tốt cử đi đào tạo chuyên sâu các chuyên ngành trong và ngoài nước.

+ Tiếp tục cải thiện chế độ tiền lương, thu nhập của cán bộ công nhân viên theo hướng phát huy năng lực, trí tuệ, kinh nghiệm và hiệu quả công tác, có chính sách đãi ngộ thỏa đáng đối người lao động có trình độ cao, hiệu suất công tác cao nhằm tạo sự gắn bó lâu dài với công ty, động viên người lao động nỗ lực hơn trong học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

+ Thực hiện chính sách luân chuyển, bổ nhiệm và xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn kế cận.

- **Phát triển thương hiệu**

+ Tập trung phát huy nguồn lực đầu tư vào các công nghệ mới, tiên tiến áp dụng vào Việt Nam để có hướng đi riêng trong lĩnh vực ngành nghề chính đồng thời khẳng định thương hiệu của công ty.

+ Quảng bá hình ảnh Công ty qua sự hợp tác với các cơ quan truyền thông, báo chí, các tổ chức xã hội... nêu cao ý thức, trách nhiệm của cán bộ, công nhân viên toàn công ty về xây dựng và bảo vệ hình ảnh, thương hiệu Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình.

5.3 Các mục tiêu phát triển bền vững

Nâng cao chất lượng phục vụ dịch vụ, giữ vững thương hiệu, đảm bảo mỹ quan đô thị, môi trường Sáng – Xanh – Sạch – Đẹp trên tất các địa bàn mà công ty phục vụ.

6. Các rủi ro

➤ Rủi ro kinh tế

Năm 2020 ban đầu được dự báo sẽ là một năm khả quan đối với nền kinh tế Việt Nam, các chỉ số vĩ mô sẽ tiếp tục ổn định, lạm phát và tỷ giá vẫn ở mức kiểm soát được trong khi đầu tư vào cơ sở hạ tầng được gia tăng và lãi suất có cơ hội điều chỉnh giảm. Tuy nhiên, dịch chủng mới của virus corona (nCoV) đã ảnh hưởng rất lớn tới toàn nền kinh tế nói chung. Hệ quả không chỉ ảnh hưởng đến du lịch, hàng không, mà hoạt động sản xuất có thể bị trì trệ, thương mại bị hạn chế, kế tiếp là ảnh hưởng xấu lên các ngành nông nghiệp, bán lẻ và dòng vốn đầu tư quốc tế.

Năm 2020, tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng 2,91% so với năm trước, đưa Việt Nam vào nhóm nước có tăng trưởng cao nhất thế giới trong bối cảnh dịch COVID-19 ảnh hưởng tiêu cực tới mọi lĩnh vực kinh tế. Tuy nhiên, mức tăng GDP 2,91% trong năm nay là mức tăng trưởng thấp nhất của thập kỷ 2011-2020. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, GDP quý 4/2020 tăng 4,48% so với cùng kỳ năm trước. Có được mức tăng trưởng trên là do nhà nước đã kiểm soát chặt chẽ dịch COVID-19, nền kinh tế từng bước hoạt động trở lại trong điều kiện bình thường mới. Hiệp định thương mại tự do Việt Nam và EU có hiệu lực từ ngày 01/08/2020 tạo động lực tăng trưởng cho nền kinh tế. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,69%, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 5,60%, khu vực dịch vụ tăng 4,29%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 1,07% so với cùng kỳ năm trước. Trong năm 2020, tăng trưởng kinh tế cho thấy sự ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh, phụ thuộc vào diễn biến dịch bệnh. Trong đó, quý 1 tăng 3,68%, quý 2 tăng 0,39%, quý 3 tăng 2,69%, quý 4 tăng 4,48%. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa năm 2020 ước đạt 543,9 tỉ USD, tăng 5,1% so với năm trước, trong đó kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 281,5 tỉ USD, tăng 6,5%; nhập khẩu hàng hóa đạt 262,4 tỉ USD, tăng 3,6%. Năm 2020, Việt Nam xuất siêu 19,1 tỉ USD. Bình quân năm 2020 chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng 3,23% so với năm 2019.

Sang năm 2021, Việt Nam sẽ phải đương đầu với sự bất ổn của kinh tế toàn cầu; các biến thể COVID-19 và những rủi ro các vụ kiện và phòng vệ thương mại sẽ ảnh hưởng lớn đến kinh tế Việt Nam 2021. Bên cạnh đó, kinh tế thế giới còn rất bất định, rủi ro, thách thức từ bên ngoài vẫn đang hiện hữu; xung đột thương mại giữa các nền kinh tế lớn khiến cho các tập đoàn, doanh nghiệp quốc tế có nhu cầu dịch chuyển địa điểm sản xuất để tránh mức thuế cao. Đây vừa là cơ hội vừa là thách thức đối với Việt Nam.

➤ Rủi ro luật pháp

Là một công ty cổ phần đại chúng đang đăng ký giao dịch trên Hệ thống đăng ký giao dịch Upcom, ngoài việc chịu ảnh hưởng dưới sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp còn chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán cùng với hệ thống pháp luật

chung. Cùng với đó là sự thay đổi về pháp luật, chính sách liên quan tới nguyên vật liệu, công nghệ,... ngành đường bộ, vận tải sẽ gây ảnh hưởng trực tiếp tới Công ty.

Mặc dù trong những năm qua, Việt Nam đã cố gắng xây dựng một môi trường pháp lý tương đối ổn định, cơ sở pháp lý về hoạt động đặc thù ngành cũng như các quy định trên thị trường chứng khoán cũng được điều chỉnh hoàn thiện hơn, tuy nhiên vẫn còn khá nhiều bất cập và vẫn đang tiếp tục được điều chỉnh đòi hỏi Công ty phải thường xuyên theo dõi, cập nhật để kịp thời áp dụng các quy định mới, đảm bảo tuân thủ pháp luật.

⬇️ **Rủi ro đặc thù ngành**

Với đặc điểm là một đơn vị cung cấp các dịch vụ công ích, thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải; quản lý vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng; quản lý, vận hành duy tu, sửa chữa và bảo dưỡng hệ thống thoát nước mưa, nước thải và Trạm xử lý nước thải, hoạt động của Công ty chịu tác động trực tiếp và rất mạnh mẽ của yếu tố khí hậu.

Là một thành phố biển, khí hậu vào mùa mưa lũ có những diễn biến hết sức phức tạp, gió bão tàn phá hệ thống cây xanh và hệ thống đèn chiếu sáng công cộng ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động của Công ty, tuy nhiên đây lại là yếu tố khách quan không thể tránh khỏi.

⬇️ **Rủi ro khác**

Ngoài những rủi ro nêu trên trong quá trình hoạt động thì Công ty còn chịu tác động mang tính khách quan như thiên tai, hỏa hoạn, những biến đổi khắc nghiệt của khí hậu, vấn đề chính trị, v.v... có thể gây thiệt hại về con người và tài sản. Do vậy, Công ty đã chủ động xây dựng biện pháp phòng ngừa nếu có thiệt hại xảy ra từ những nguyên nhân trên. Đặc biệt là việc dịch Covid-19 kéo dài và chưa khắc phục được là một trong những thách thức lớn trong việc duy trì và phát triển của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2020, tổng doanh thu của Công ty đạt 57,91 tỷ đồng, tăng 3,37 tỷ đồng (tương đương tăng 6,18%) so với năm 2019.

Bảng 1: Một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh

| TT | Chỉ tiêu | Thực hiện 2019 (tỷ đồng) | Thực hiện 2020 (tỷ đồng) | TH 2020/TH 2019 |
|-----------|----------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|----------------------------|
| 1 | Tổng doanh thu | 54.537 | 57.910 | 106,18% |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | 4.842 | 3.853 | 79,57% |
| 3 | Thuế TNDN | 971 | 559 | 57,56% |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế | 3.871 | 3.294 | 85,09% |

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 của Công ty)

Bảng 2: Cơ cấu Tổng Doanh thu

| ST T | Cơ cấu Tổng Doanh thu | Năm 2019 | | Năm 2020 | |
|-----------------------|-------------------------------------|-------------------------|----------------------|-------------------------|----------------------|
| | | Giá trị (triệu đồng) | Tỷ trọng/ TDT (%) | Giá trị (triệu đồng) | Tỷ trọng/ TDT (%) |
| 1 | Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ | 52.206 | 95,73 | 55.236 | 95,38 |
| 2 | Doanh thu hoạt động tài chính | 2.331 | 4,27 | 2.674 | 4,62 |
| Tổng Doanh thu | | 54.537 | 100 | 57.910 | 100 |

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 của Công ty)

Bảng 3: Cơ cấu chi phí

| STT | Cơ cấu chi phí | Năm 2019 | | Năm 2020 | |
|------------------------|---------------------------------|-------------------------|----------------------|-------------------------|----------------------|
| | | Giá trị (triệu đồng) | Tỷ trọng/ DTT (%) | Giá trị (triệu đồng) | Tỷ trọng/ DTT (%) |
| 1 | Giá vốn hàng bán | 40.590 | 77,75 | 43.339 | 78,46 |
| 2 | Chi phí tài chính | 340 | 0,65 | 310 | 0,56 |
| 3 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 8.779 | 16,82 | 10.633 | 19,25 |
| 4 | Chi phí khác | 0,57 | 0,0011 | 137 | 0,25 |
| Tổng cộng | | 49.709,57 | 95,22 | 54.419 | 98,52 |
| Doanh thu thuần | | 52.206 | 100 | 55.236 | 100 |

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 của Công ty)

2. Tổ chức và nhân sự

◆ Danh sách Ban điều hành

Bảng 4: Danh sách Giám đốc và các cán bộ quản lý

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Ghi chú |
|-----|----------------------|-------------------|----------------------------|
| 1 | Trương Công Định | Giám đốc (i) | Bỏ nhiệm ngày 06/01/2021 |
| 2 | Trần Thanh Chương | Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 01/07/2020 |
| 3 | Lê Viết Hợp | Phó Giám đốc (ii) | Bỏ nhiệm ngày 12/05/2020 |

| | | | |
|---|------------------|----------------|--|
| 4 | Đinh Xuân Trường | Kế toán trưởng | |
|---|------------------|----------------|--|

(i) Theo quyết định số 01/QĐ-MTĐT ngày 06/01/2021 của Công ty về việc bổ nhiệm Giám đốc

(ii) Theo quyết định số 45/QĐ-MTĐT ngày 12/05/2020 của Công ty về việc bổ nhiệm Phó Giám đốc.

Sơ yếu lý lịch của Giám đốc và cán bộ quản lý khác:

| | |
|---|---|
| 1. Họ và tên: | Trần Thanh Chương |
| Giới tính: | Nam |
| Ngày sinh: | 06/06/1960 |
| Nơi sinh: | Xã Đại Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình |
| Quốc tịch: | Việt Nam |
| Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: | Số 10, Hà Văn Cách, Đồng Hới, Quảng Bình |
| Số CMTND: | 194044462, ngày 2/12/2009 tại CA. Quảng Bình |
| Điện thoại liên hệ: | 0232.3889288 |
| Trình độ văn hóa: | 10/10 |
| Trình độ chuyên môn: | + Kỹ sư ngành Thủy nông – Đại học Thủy Lợi Hà Nội + Thạc sỹ kỹ thuật ngành Thủy công – Đại học Thủy Lợi Hà Nội |
| Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty | Đã nghỉ hưu từ tháng 16/06/2020 |
| Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác | Không có |
| Số lượng cổ phần đại diện sở hữu | 0 cổ phần |
| Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu | 5.000 cổ phần, chiếm 0,14% vốn điều lệ |
| Số cổ phần của người có liên quan | 0 cổ phần |
| Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty | Không |
| Các khoản nợ đối với Công ty | Không |
| Lợi ích liên quan đối với Công ty | Không |

Quá trình công tác:

| Thời gian | Quá trình công tác |
|--------------------------------|---|
| Từ tháng 8/1978 đến 12/1979 | Chiến sỹ Quân đội nhân dân – Bộ Tư lệnh thiết giáp. |
| Từ tháng 12/1979 đến 10/1980 | Xuất ngũ về địa phương |
| Từ tháng 10/1980 đến 12/1985 | Sinh viên đại học Thủy lợi. |
| Từ tháng 12/1985 đến 6/1989 | Cán bộ kỹ thuật Công ty XDTLI Bình Trị Thiên |
| Từ tháng 6/1989 đến 3/1990 | Cán bộ kỹ thuật đội XLII Công ty XDTL Quảng Bình |
| Từ tháng 10/1990 đến 01/2002 | Đội trưởng đội XLI, Công ty XDTL Quảng Bình (nay là Công ty Bình Lợi) |
| Từ tháng 02/2002 đến 05/2003 | Phó Giám đốc BQLDA các công trình XD CB thủy lợi, Sở NN&PTNT Quảng Bình |
| Từ tháng 05/2003 đến 08/2003 | Cán bộ kỹ thuật BQLDA các công trình XD CB thủy lợi, Sở NN&PTNT Quảng Bình |
| Từ tháng 8/2003 đến 10/2005 | Chuyên viên BQL KCN cảng biển Hòn La. |
| Từ tháng 10/2005 đến 10/2006 | Trưởng phòng QLĐT, BQL các KCN Quảng Bình |
| Từ tháng 10/2006 đến 7/2009 | Phó Giám đốc, Công ty Phát triển hạ tầng các KCN, BQL các KCN Quảng Bình |
| Từ tháng 7/2009 đến 01/2012 | Giám đốc Công ty Quản lý hạ tầng Khu kinh tế, BQL KKT Quảng Bình |
| Từ tháng 1/2012 đến 1/2017 | Phó trưởng ban BQL KKT Quảng Bình |
| Từ tháng 1/2017 đến 2/2017 | Cán bộ được UBND tỉnh điều động làm việc tại Công ty TNHH MTV Môi trường và PTĐT Quảng Bình |
| Từ tháng 3/2017 đến 16/06/2020 | Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty cổ phần Môi trường và PTĐT Quảng Bình. |

2. Họ và tên

: Trương Công Định

Số CMND

194158291 Ngày cấp 29/08/2011

: Nơi cấp: CA Quảng Bình

Giới tính

: Nam

Ngày tháng năm sinh : 25/04/1979

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Chỗ ở hiện tại : Xã Lương Ninh – Huyện Quảng Ninh –
Tỉnh Quảng Bình
+ Trung cấp tin học Đại học Sư phạm Đà Nẵng
+ Kỹ sư xây dựng chuyên ngành Kỹ thuật XDCT, Đại học Duy Tân

Trình độ chuyên môn : + Cử nhân kinh tế chuyên ngành Quản trị kinh doanh, Thạc sỹ kinh tế chuyên ngành Quản lý kinh tế - Đại học kinh tế Huế

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không có

Số lượng cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần

Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 13.800 cổ phần, chiếm 0,38% vốn điều lệ

Số cổ phần của người có liên quan : 0 cổ phần

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

Quá trình công tác:

| Thời gian | Quá trình công tác |
|-----------------------------|--|
| Từ tháng 4/2006 đến 12/2010 | Cán bộ kỹ thuật Ban QLDA Vệ sinh môi trường Tp.Đồng Hới, Quảng Bình |
| Từ tháng 12/2010 đến 7/2012 | Phó phòng Kế hoạch - Kỹ thuật Công ty TNHH MTV Môi trường và PTĐT Quảng Bình |

| | |
|-----------------------------|--|
| Từ tháng 7/2012 đến 7/2016 | Trưởng phòng Kế hoạch -Kỹ thuật kiêm Giám đốc Trung tâm kiểm định chất lượng – xây dựng thuộc Công ty TNHH MTV Môi trường và PTĐT Quảng Bình |
| Từ tháng 8/2016 đến 2/2017 | Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Môi trường và PTĐT Quảng Bình |
| Từ tháng 3/2017 đến 12/2020 | Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty cổ phần Môi trường và PTĐT Quảng Bình. |
| Từ T1/2021 đến nay | Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty cổ phần Môi trường và PTĐT Quảng Bình. |

3. Họ và tên : **Lê Viết Hợp**

Số CMND : 194034419 Ngày cấp: 17/11/2014
Nơi cấp: CA Quảng Bình

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 17/02/1977

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Chỗ ở hiện tại : Thôn 1, Lộc Ninh, Đồng Hới, Quảng Bình

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Silicat - Đại học Bách khoa Đà Nẵng
+ Cử nhân kinh tế chuyên ngành Quản trị kinh doanh - Đại học kinh tế Huế

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không

Số lượng cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần

Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 8.900 cổ phần, chiếm 0,24% vốn điều lệ

Số cổ phần của người có liên quan : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

Quá trình công tác:

| Thời gian | Quá trình công tác |
|----------------------------------|---|
| Từ tháng 4/2006 đến 01/2008 | Cán bộ kỹ thuật Ban QLDA Vệ sinh môi trường Tp.Đồng Hới, Quảng Bình |
| Từ 01/2008 đến 05/2009: | Trưởng phòng Kiểm định chất lượng, Ban quản lý Dự án vệ sinh môi trường thành phố Đồng Hới |
| Từ 06/2009 - 03/2011 | Trưởng phòng Kiểm định chất lượng – Công ty TNHH MTV Môi trường và Phát triển Đô thị Quảng Bình |
| Từ năm 04/2011- 02/2017 | Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp, Công ty TNHH MTV Môi trường và Phát triển Đô thị Quảng Bình |
| Từ tháng 03/2017 đến 11/5/2020 | Thành viên HĐQT kiêm Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp, Công ty Cổ phần Môi trường và Phát triển Đô thị Quảng Bình |
| Từ ngày 12 tháng 05/2020 đến nay | Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty cổ phần Môi trường và Phát triển Đô thị Quảng Bình. |

4. Họ và tên : **Đình Xuân Trường**

Số CMND : 044075000768 cấp ngày 27/4/2017 tại Cục CS ĐKQLCT và DLQG về dân cư

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 10/11/1975

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Chỗ ở hiện tại : TDP2, Phú Vinh, Bắc Nghĩa, Đồng Hới, Quảng Bình

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không

Số lượng cổ phần đại diện sở hữu : 00 cổ phần

Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 7.000 cổ phần, chiếm 0,19% vốn điều lệ

Số cổ phần của người có liên quan : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

Quá trình công tác:

| Thời gian | Quá trình công tác |
|----------------------|---|
| Từ 1/2000 – 6/2006 | Phó phòng TCKT – Xí nghiệp TCCG và Vận tải thuộc Công ty SXVL và Xây dựng COSEVCO I. |
| Từ 7/2006 – 12/2015 | Kế toán Ban QLDA Vệ sinh môi trường thành phố Đồng Hới thuộc Công ty TNHH MTV Môi trường và PTĐT Quảng Bình. |
| Từ 1/2016 – 10/2016 | Kế toán Ban chuẩn bị DA Phát triển môi trường HTĐT để ứng phó với BĐKH thành phố Đồng Hới thuộc Công ty TNHH MTV Môi trường và PTĐT Quảng Bình. |
| Từ 11/2016 – 10/2017 | Phó phòng TCKT, phụ trách dự án ADB, Ban QLDA Môi trường và BĐKH thành phố Đồng Hới. |
| Từ 11/2017 – 3/2018 | Phó phòng TCKT, Công ty CP Môi trường và PTĐT Quảng Bình. |
| Từ 4/2018 – 06/2021 | Phó phòng TCKT, Kế toán trưởng Công ty CP Môi trường và PTĐT Quảng Bình. |
| 06/2021 - nay | Trưởng phòng TCKT, Kế toán trưởng, TV HĐQT Công ty CP Môi trường và PTĐT Quảng Bình. |

➤ Những thay đổi trong Ban điều hành:

Căn cứ theo quyết định số 01/QĐ-MTĐT ngày 06/01/2021 của Công ty về việc bổ nhiệm Giám đốc

Căn cứ theo quyết định số 45/QĐ-MTĐT ngày 12/05/2020 của Công ty về việc bổ nhiệm Phó Giám đốc.

(*) Trường hợp bổ nhiệm

1. Ông Lê Viết Hợp

- Chức vụ tại Công ty trước khi bổ nhiệm: Thành viên HĐQT, Trưởng phòng Hành chính – Tổng hợp

- Chức vụ được bổ nhiệm: Phó Giám đốc Công ty

- Thời gian bổ nhiệm: 05 năm

- Ngày bắt đầu có hiệu lực: Kể từ ngày 12/05/2020.

2. Ông Trương Công Định

- Chức vụ tại Công ty trước khi bổ nhiệm: Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty
- Chức vụ được bổ nhiệm: Giám đốc Công ty
- Thời gian bổ nhiệm: 05 năm
- Ngày bắt đầu có hiệu lực: Kể từ ngày 06/01/2021.

(*) Trường hợp miễn nhiệm

1. Ông Trần Thanh Chương

- Chức vụ Công ty trước khi miễn nhiệm: Thành viên HĐQT Giám đốc Công ty
- Lý do miễn nhiệm: Nghỉ hưu theo chế độ
- Ngày bắt đầu có hiệu lực: Kể từ ngày 16/06/2020

↓ Số lượng cán bộ, nhân viên

Bảng 5: Cơ cấu lao động tính đến thời điểm 31/12/2020

| STT | Phân loại lao động | Số lượng (người) | Tỷ lệ (%) |
|------------|---|------------------|------------|
| I | Phân theo giới tính | 219 | 100 |
| 1 | Nam | 80 | 36,5 |
| 2 | Nữ | 139 | 63,5 |
| II | Phân theo Hợp đồng lao động | 219 | 100 |
| 1 | Hợp đồng mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn dưới 12 tháng | 03 | 1,4 |
| 2 | Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ 12 tháng - 36 tháng | 11 | 5 |
| 3 | Hợp đồng không xác định thời hạn | 205 | 93,6 |
| III | Phân theo trình độ lao động | 219 | 100 |
| 1 | Trình độ Đại học và trên Đại học | 37 | 17 |
| 2 | Trình độ Cao đẳng và Trung cấp | 38 | 17,4 |
| 3 | Trình độ phổ thông | 144 | 65,6 |
| IV | Phân theo Phòng, ban | 219 | 100 |
| 1 | Viên chức quản lý | 05 | 2,3 |
| 2 | Phòng Hành chính - Tổng hợp | 07 | 3,2 |
| 3 | Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật | 05 | 2,3 |
| 4 | Phòng Tài chính - Kế toán | 03 | 1,4 |
| 5 | Đội Môi trường 1 | 62 | 28,3 |
| 6 | Đội Môi trường 2 | 62 | 28,3 |
| 7 | Đội QLVH Điện chiếu sáng công cộng | 13 | 5,9 |
| 8 | Đội Xe máy | 14 | 6,4 |

| | | | |
|----|---|----|------|
| 9 | Đội QLVH HT Thoát nước và xử lý nước thải | 25 | 11,4 |
| 10 | Đội Xây dựng công trình và QL Bãi rác | 09 | 4,1 |
| 11 | Tổ sản xuất chế phẩm sinh học | 02 | 0,9 |
| 12 | Tổ QL Khách hàng và thu giá dịch vụ | 12 | 5,5 |

(Nguồn: Công ty Cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình)

Xác định nguồn nhân lực là nền tảng đối với sự phát triển, Công ty đã xây dựng và phát triển chính sách ưu đãi hợp lý với người lao động, cụ thể như sau:

❖ **Chế độ làm việc:**

Theo quy định của Chính phủ thời gian làm việc 40 giờ/tuần, người lao động phải làm việc theo đúng thời gian quy định. Cụ thể dưới đây:

+ Khối văn phòng: Từ thứ 2 đến thứ 6 (Buổi sáng từ 7h30' - 11h 30'; buổi chiều từ 13h00' - 17h00').

+ Khối trực tiếp sản xuất: Làm việc theo cơ chế khoán sản phẩm và theo giờ quy định riêng.

Điều kiện làm việc tốt, an toàn môi trường được đảm bảo. Người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ về bảo hộ lao động, hưởng trợ cấp độc hại, chế độ bồi dưỡng ăn ca, làm thêm giờ... Các nguyên tắc về an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

❖ **Chính sách đào tạo, tuyển dụng**

Hàng năm, Công ty hỗ trợ lương, đào tạo học việc, tạo mọi điều kiện thuận lợi về thời gian và công việc cho cán bộ và người lao động tham gia các lớp học tại chức, khóa học và lớp tập huấn ngắn hạn về quản trị doanh nghiệp, kế toán tài chính, chính sách thuế, quản trị nhân sự, quản lý đầu tư, tập trung nâng cao khả năng làm việc theo hướng chuyên nghiệp.

❖ **Chính sách lương thưởng, phúc lợi**

Công ty thực hiện chính sách trả lương theo chức danh công việc và năng suất công việc cho người lao động. Đồng thời, Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, có chế độ bồi dưỡng đối với các lao động làm việc trong điều kiện nắng nóng, nặng nhọc, có chế độ tham quan, nghỉ mát hàng năm, quan tâm đến người lao động trong các ngày lễ tết.

Ngoài việc xét thưởng thường xuyên theo quy định, Giám đốc có thể thưởng đột xuất trong các trường hợp sau:

- Sáng tạo công nghệ mới, phương pháp tổ chức kinh doanh mới.
- Tìm việc làm từ 1,5 đến 2% tùy giá trị và tính chất công trình.
- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, có sáng kiến cải tiến sản xuất đưa lại hiệu quả kinh tế.
- Phát hiện ra các vụ ăn cắp, gây lãng phí của Công ty và tài sản của Nhà nước.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn

Trong năm 2020, Công ty đã đầu tư 02 xe ép rác (3.750.000.000 đồng) xây dựng bãi phế thải xây dựng (3.188.000.000 đồng); mua 02 xe thu gom rác 01 tấn với (710.000.000 đồng).

3.2. Các công ty con, công ty liên kết

Không có.

4. Tình hình tài chính của Công ty

4.1 Tình hình tài chính của Công ty trong năm 2019 và năm 2020

Bảng 6: Tình hình tài chính

Đơn vị tính: triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2019 (triệu đồng) | Năm 2020 (triệu đồng) | % tăng/giảm so với năm 2019 |
|-----|--------------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------------------|
| 1 | Tổng giá trị tài sản | 1.170.426 | 123.640 | (89,44) |
| 2 | Doanh thu thuần | 52.206 | 55.236 | 5,80 |
| 3 | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 4.828 | 3.628 | (24,85) |
| 4 | Lợi nhuận khác | 14 | 224 | 1.448,84 |
| 5 | Lợi nhuận trước thuế | 4.842 | 3.853 | (20,44) |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế | 3.872 | 3.294 | (14,92) |
| 7 | Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%) | 2,3% | 2,5% | 0,2 |

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 của Công ty)

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 7: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Các chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2019 | Năm 2020 |
|---|-----|----------|----------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ NH) | Lần | 3,49 | 2,47 |
| Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ - Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn) | Lần | 3,49 | 2,47 |

| | | | |
|--|-----|-------|--------|
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| Hệ số Nợ/Tổng tài sản | % | 2,06 | 27,32 |
| Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | % | 55,88 | 81,01 |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| Vòng quay hàng tồn kho | Lần | 66,57 | 580,42 |
| Doanh thu thuần/Tổng TS | Lần | 0,04 | 0,09 |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | % | 7,42 | 5,96 |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu BQ | % | 9,22 | 7,76 |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản BQ | % | 0,32 | 0,51 |
| Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động KD/DTT | % | 9,25 | 6,57 |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ | % | 10,53 | 8,96 |

(Nguồn: Tính toán dựa trên BCTC kiểm toán năm 2019 và 2020 của Công ty)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 3.675.675 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 3.435.675 cổ phần (chiếm 93,47%)
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 240.000 cổ phần (chiếm 6,53%)

5.2. Cơ cấu cổ đông

↓ Cơ cấu cổ đông

Bảng 8: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 29/03/2021

| STT | Họ và tên | Số lượng cổ đông | Số CP sở hữu (cổ phần) | Tỷ lệ/Vốn điều lệ (%) |
|-----|--------------------|---------------------|---------------------------|--------------------------|
| 1 | Cổ đông Nhà nước | 01 | 2.995.175 | 81,49 |
| 2 | Cổ đông trong nước | 206 | 680.500 | 18,51 |
| 2.1 | Tổ chức | 00 | 00 | 0,00 |
| 2.2 | Cá nhân | 206 | 680.500 | 18,51 |

| | | | | |
|------------------|--------------------|------------|------------------|-------------|
| 3 | Cổ đông nước ngoài | 00 | 00 | 0,00 |
| 4 | Cổ phiếu quỹ | 00 | 00 | 0,00 |
| Tổng cộng | | 207 | 3.675.675 | 100% |

(Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty Cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình do Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam chốt ngày 29/03/2021)

↓ **Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty**

Bảng 9: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên tại thời điểm 29/03/2021

| TT | Tên cổ đông | Địa chỉ | Số lượng cổ phần sở hữu | Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp |
|------------------|---------------------------------|---|-------------------------|-----------------------------------|
| 1 | Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Bình | Số 6 đường Hùng Vương, Tp. Đồng Hới, Quảng Bình | 2.995.175 | 81,49 |
| Tổng cộng | | | 2.995.175 | 81,49 |

(Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty Cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam chốt ngày 29/03/2021)

↓ **Danh sách cổ đông sáng lập:**

Công ty không có cổ đông sáng lập.

Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

Từ thời điểm cổ phần hóa đến nay, Công ty Cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình hoạt động ổn định với mức vốn điều lệ là 36.756.750.000 đồng và không tiến hành tăng vốn điều lệ

5.3. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

5.4. Các chứng khoán khác: Không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên liệu vật liệu

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để cung cấp các dịch chính của Công ty trong năm: Không

b) Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ của tổ chức: Không

6.2. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

Nguồn năng lượng tiêu thụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu là: điện chiếu sáng công cộng, điện sử dụng của các trạm bơm và trạm xử lý nước thải, điện sử dụng cho sinh hoạt khối văn phòng.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không

c) Báo cáo các sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không

6.3. Tiêu thụ nước

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Không

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: Không

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: Không

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) **Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động**

- Số lượng lao động: 219 người

- Mức lương trung bình đối với người lao động:

| Nội dung | Năm 2019 | Năm 2020 | Tăng/giảm (%) |
|---|----------|----------|---------------|
| Mức lương bình quân (triệu đồng/người/tháng) | 7,67 | 7,7 | 100,39 |

(Nguồn: Công ty cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình)

b) **Chính sách đào tạo**

Nhìn chung, Công ty Cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình có đội ngũ lãnh đạo và quản lý được đào tạo chính quy, cơ bản, nhiều kinh nghiệm chuyên môn, nhanh nhạy trong cơ chế thị trường; đội ngũ công nhân lao động lành nghề trong các thao tác nghiệp vụ, có tính kỷ luật đảm nhận được các chức danh cụ thể trong dây chuyền sản xuất, tạo năng suất cao để đáp ứng được khối lượng khai thác, tăng trưởng.

Công tác đào tạo và đào tạo lại hàng năm được thực hiện chủ yếu tại doanh nghiệp cho lực lượng lao động trực tiếp giản đơn. Riêng lao động cần nâng cao tay nghề khi phát sinh quy trình công nghệ mới đều được gửi đi đào tạo nâng cao tay nghề trực tiếp tại các đơn vị bạn có trang thiết bị kỹ thuật phù hợp, đây là chính sách nổi bật của chiến lược quản lý phát triển nguồn nhân lực của Công ty.

c) **Chính sách lương thưởng, trợ cấp**

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo

đúng quy định của pháp luật, đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, cải thiện thu nhập, quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần cán bộ công nhân viên. Công ty đã xây dựng Quỹ khen thưởng, phúc lợi để thăm hỏi, động viên người lao động một cách kịp thời khi gặp khó khăn trong cuộc sống.

Hàng năm, Công ty tổ chức sơ kết, tổng kết, khen thưởng, khen thưởng đột xuất để khuyến khích động viên người lao động đã có đóng góp cho Công ty. Mức khen thưởng phụ thuộc vào hiệu quả sản xuất của Công ty và hiệu quả kinh tế của tập thể, của người lao động. Những cá nhân, đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ được giao làm tổn hại đến kinh tế, vật chất, uy tín của Công ty sẽ được xem xét cụ thể và phải chịu các hình thức kỷ luật, phạt tiền, bồi thường bằng vật chất theo nội dung thoả ước lao động tập thể, nội quy lao động của Công ty ban hành.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng địa phương

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: Không

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm, cán bộ công nhân viên trong Công ty đã khắc phục mọi khó khăn, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ trên các mặt công tác.

Công tác tìm kiếm công ăn, việc làm cho người lao động; mở rộng thị trường được lãnh đạo công ty quan tâm thực hiện.

Công tác đào tạo nâng cao trình độ tay nghề cho người lao động được quan tâm thực hiện; Công tác đảm bảo an sinh xã hội cho người lao động được thực hiện đầy đủ, đúng quy định; đời sống người lao động từng bước được nâng lên.

❖ Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Bảng 10 : Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020

Đơn vị tính: triệu đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2019 | Năm 2020 |
|--|----------|----------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 52.206 | 55.236 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | - | - |
| 3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | 52.206 | 55.236 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 40.589 | 43.339 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 11.617 | 11.897 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 2.331 | 2.674 |
| 7. Chi phí tài chính | 340 | 310 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 340 | 310 |
| 8. Chi phí bán hàng | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ QUẢNG BÌNH

| | | |
|--|-------|--------|
| 9. Chi phí quản lí doanh nghiệp | 8.779 | 10.633 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26)) | 4.828 | 3.628 |
| 11. Thu nhập khác | 15 | 362 |
| 12. Chi phí khác | 0,57 | 137 |
| 13. Lợi nhuận khác (40=31-32) | 14 | 224 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40) | 4.842 | 3.853 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 971 | 559 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52) | 3.872 | 3.294 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*) | 1.053 | 896 |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | - | - |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020 của Công ty)

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản

Bảng 11: Tình hình tài sản của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2020

| TÀI SẢN | 31/12/2019 (triệu đồng) | 31/12/2020 (triệu đồng) | 2020/2019 (%) |
|------------------------------------|------------------------------------|------------------------------------|--------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 65.753 | 68.271 | 103,83 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 6.857 | 12.008 | 175,12 |
| Đầu tài chính ngắn hạn | 42.500 | 43.000 | 101,18 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 16.218 | 12.870 | 79,36 |
| Hàng tồn kho | 83 | 66 | 79,52 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 95 | 328 | 345,26 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 1.104.673 | 55.369 | 5,01 |
| Tài sản cố định | 1.101.303 | 49.329 | 4,48 |
| Tài sản dở dang dài hạn | 3.154 | 6.036 | 191,38 |
| Tài sản dài hạn khác | 195 | 3 | 1,54 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 1.170.426 | 123.640 | 10,56 |

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 của Công ty)

2.2. Tình hình nợ phải trả

Bảng 12: Tình hình nợ phải trả của Công ty năm 2019 - 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ QUẢNG BÌNH

| NỢ PHẢI TRẢ | 31/12/2019 (triệu đồng) | 31/12/2020 (triệu đồng) | 2020/2019 (%) |
|---|--|--|--------------------------------|
| A. NỢ PHẢI TRẢ | 24.126 | 33.774 | 139,99 |
| I. Nợ ngắn hạn | 18.829 | 27.667 | 146,94 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 1.994 | 3.579 | 179,49 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | - | 122 | / |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp NN | 909 | 2.142 | 235,64 |
| 4. Phải trả Người lao động | 4.148 | 4.677 | 112,75 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 103 | 92 | 89,32 |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác | 9.609 | 13.253 | 137,92 |
| 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 273 | 1.127 | 412,82 |
| 8. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 285 | 452 | 158,59 |
| 9. Quỹ khen thưởng phúc lợi | 1.508 | 2.224 | 147,48 |
| II. Nợ dài hạn | 5.297 | 6.108 | 115,31 |
| 1. Vay nợ thuê tài chính dài hạn | 4.373 | 5.208 | 119,09 |
| 2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 924 | 900 | 97,40 |

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 của Công ty)

2.2. Tình hình khoản phải thu

Bảng 13: Tình hình khoản phải thu của Công ty năm 2019 - 2020

| KHOẢN PHẢI THU | 31/12/2019 (triệu đồng) | 31/12/2020 (triệu đồng) | %2020/2019 (%) |
|---------------------------------------|--|--|---------------------------------|
| I. Các khoản phải thu ngắn hạn | 16.218 | 12.870 | 79,35 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 14.225 | 15.578 | 109,51 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 1.617 | 235 | 14,53 |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác | 940 | 790 | 84,04 |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | (565) | (3.734) | / |
| II. Các khoản phải thu dài hạn | - | - | / |
| TỔNG CÁC KHOẢN PHẢI THU | 16.218 | 12.870 | 79,35 |

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 của Công ty)

2.2. Những cải tiến về cơ cấu, chính sách quản lý

Những tiến bộ về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Bộ máy điều hành và lãnh đạo gọn nhẹ, trực tiếp. Dưới Ban Giám đốc có các phòng ban với chức năng và nhiệm vụ công việc cụ thể với sự giám sát và điều hành sát sao của các trưởng bộ phận. Chính sách của công ty đảm bảo theo đúng luật định hiện hành của nhà nước Việt Nam, chính sách nhân sự nhằm thúc đẩy hoạt động của Công ty. Chính sách trả lương cho nhân viên theo năng lực làm việc và chế độ đãi ngộ tốt đã giúp công ty tuyển dụng được những nhân sự có năng lực thực sự, có tâm huyết làm việc cho công ty.

Các biện pháp kiểm soát: Công ty có Ban kiểm soát gồm các thành viên giám sát hoạt động tài chính cũng như công tác quản lý của công ty.

Công tác về công bố thông tin theo áp dụng đối với Công ty đại chúng được Ban lãnh đạo Công ty thực hiện nghiêm chỉnh và đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật.

2.3. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Bảng 14: Kế hoạch phát triển của Công ty

| Chỉ tiêu | Thực hiện năm 2020 | Năm 2021 | |
|---------------------------------|--------------------|----------|------------------------------|
| | | Kế hoạch | % tăng/ giảm so với năm 2020 |
| Vốn điều lệ (triệu đồng) | 36.757 | 57.539 | 156,53 |
| Doanh thu thuần (triệu đồng) | 55.236 | 59.500 | 7,72 |
| Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng) | 3.294 | 2.800 | (14,9) |
| Tỷ suất LNST/DTT (%) | 5,96 | 4,70 | (21,15) |
| Tỷ suất LNST/VĐL (%) | 8,96% | 4,87% | (45,65) |
| Cổ tức (%/MG) | 2,5% | 2,5% | 0 |

(Nguồn: Công ty Cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình)

Cần cứ để đạt được kế hoạch đề ra:

- ✦ **Nâng cao chất lượng tổ chức sản xuất kinh doanh**
- Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh khả thi và đạt chỉ tiêu doanh thu, lợi

nhuận cụ thể, chi tiết cho từng phòng, ban và bộ phận theo từng tháng, quý, 6 tháng và năm, đồng thời đề ra các biện pháp thực hiện Kế hoạch tối ưu và linh hoạt.

- Trên cơ sở đặt hàng của UBND thành phố, Công ty khoán sản phẩm theo khối lượng cho các đội sản xuất và thực hiện giám sát, kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm theo từng tháng trên cơ sở nghiệm thu từ tổ đội, theo từng tuyến đường từng khu vực... Đồng thời, xây dựng các quy chế về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm từng bước đưa sản phẩm dịch vụ đáp ứng được yêu cầu đề ra.

↓ **Đổi mới tổ chức, tăng cường và nâng cao hiệu lực bộ máy tại Công ty**

- Tiếp tục đổi mới và sắp xếp lại các phòng ban chức năng, đồng thời kiện toàn, ổn định tổ chức bộ máy theo hướng tinh giảm, phân công phân nhiệm rõ ràng, giám đốc môi tạo điều kiện phát huy tối đa năng lực của cán bộ.

- Tổ chức các lớp tập huấn, nâng cao nhận thức các cán bộ quản lý về các thủ tục hành chính, tổ chức hệ thống luân chuyển hồ sơ, cập nhật và chuyển tải thông tin trong bộ máy điều hành để đảm bảo xử lý chính xác, kịp thời các tình huống trong sản xuất và chấp hành đúng các chỉ thị, mệnh lệnh của lãnh đạo.

- Tuyển dụng và kiện toàn đội ngũ nhân sự chất lượng cao, tập trung vào các chuyên gia kỹ thuật, chuyên gia marketing

↓ **Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, ứng dụng các biện pháp kỹ thuật mới, công nghệ mới**

- Nghiên cứu, triển khai và hoàn thiện ứng dụng các công nghệ mới.

- Ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh đáp ứng nhu cầu phát triển.

- Xây dựng mạng nội bộ từng phòng ban (mạng LAN); áp dụng thống nhất cùng 1 phần mềm quản lý.

- Đầu tư mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác vệ sinh môi trường.

2.4. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có

2.5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

a) Đánh giá liên quan đến chỉ tiêu môi trường:

Hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, Công ty cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình đang ngày càng cải thiện các hoạt động cung cấp dịch vụ, đảm bảo các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải,...) hợp lý, phù hợp với tiêu chuẩn cho phép trong các lĩnh vực như: vận chuyển, xây dựng công trình, phá dỡ, lắp đặt hệ thống lò sưởi, điện,..., góp một phần không nhỏ vào sự xanh – sạch – đẹp trên địa bàn.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Người lao động tại Công ty cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình được đảm bảo mức thu nhập phù hợp với mặt bằng chung của xã hội, được trang bị thiết bị làm việc đầy đủ, hiện đại, được đóng các loại bảo hiểm đầy đủ. Hàng năm, Công ty vẫn trích quỹ khen thưởng phúc lợi, kịp thời khen thưởng cho các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong công việc.

c) *Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:*

Trong năm qua, Công ty đã hoàn thành tốt trách nhiệm với cộng đồng địa phương như việc cùng tham gia vào các hoạt động tuyên truyền nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của người dân, tham gia ủng hộ biển đảo quê hương...

II. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Trong năm 2020, mặc dù gặp nhiều khó khăn thách thức với thiên tai dịch bệnh, song toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty đã nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ kinh tế, chính trị được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình giao cho. Các chỉ tiêu kinh tế, tài chính đều đạt và vượt kế hoạch đề ra, thu nhập người lao động ổn định, đảm bảo hài hòa lợi ích người lao động, nhà nước và các cổ đông. Thành phố Đồng Hới có một diện mạo mới: đường phố ngày càng khang trang, xanh – sạch – đẹp; điện chiếu sáng công cộng đã chiếu sáng phần lớn các tuyến phố, ngõ xóm; các công trình phúc lợi công cộng khang trang sạch đẹp, văn minh.

Hội đồng quản trị, Ban giám đốc đã luôn chủ động trong việc ký kết hợp đồng đặt hàng, nghiên cứu, kiến nghị các phương thức cung cấp các dịch vụ công ích đô thị phù hợp điều kiện của địa phương với Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình. Do đó công tác điều hành sản xuất kinh doanh luôn chủ động, tạo điều kiện mở rộng địa bàn sản xuất, tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người lao động.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc

↓ Những việc đã làm được

- Đã tuân thủ và thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết của HĐQT.
- Luôn thể hiện trách nhiệm cao, thường xuyên bám sát công việc, chỉ đạo sát sao, kịp thời cụ thể, quyết liệt; giải quyết kịp thời những khó khăn vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Đã chủ động triển khai thực hiện các Nghị quyết, quyết định của HĐQT theo đúng chủ trương, định hướng phát triển được thông qua.
- Chủ động đưa ra các giải pháp phù hợp với từng giai đoạn, điều kiện cụ thể. Phát huy mọi tiềm lực sức mạnh của CBCNV để hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của công ty.

📌 Những hạn chế cần khắc phục

Ban lãnh đạo Công ty cần tiếp tục nâng cao công tác đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý; năng động và quyết liệt hơn nữa trong điều hành tổ chức thực hiện các Nghị quyết của HĐQT cũng như đề xuất các giải pháp thực hiện đạt hiệu quả cao hơn. Với kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 đạt được như trên, HĐQT đánh giá Ban điều hành dưới sự chỉ đạo của Giám đốc đã hoàn thành nhiệm vụ năm 2020 được HĐQT giao.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Với những thuận lợi và khó khăn của ngành môi trường đô thị, trong năm 2020, Hội đồng quản trị sẽ quyết tâm chỉ đạo hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh như sau:

- Chỉ đạo sát sao đối với hoạt động cung ứng dịch vụ của công ty;
- Đầu tư nâng cấp một số công nghệ xử lý môi trường như: hệ thống xử lý nước rỉ rác, hệ thống xử lý chất thải rắn xây dựng, chất thải công nghiệp nguy hại tương ứng với nhu cầu của thị trường;
- Nâng cao và ổn định chất lượng dịch vụ đáp ứng yêu cầu của thị trường;
- Cân đối giữa nguồn thu và chi để đáp ứng đủ nhu cầu vốn phục vụ kinh doanh;
- Cân đối và chủ động trả nợ theo tiến độ đã cam kết với các tổ chức tín dụng cho vay vốn đầu tư xây dựng.

III. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của HĐQT

Bảng 15: Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Tỷ lệ sở hữu cổ phần |
|-----|------------------|----------------------------|--|
| 1 | Phạm Đức Thái | Chủ tịch Hội đồng quản trị | + Số cổ phần sở hữu cá nhân: 20.000 cổ phần (chiếm 0,54% vốn điều lệ) + Số cổ phần sở hữu đại diện cho UBND tỉnh Quảng Bình: 2.995.175 cổ phần (chiếm 81,49% vốn điều lệ) |
| 2 | Trương Công Định | Thành viên Hội đồng | + Số cổ phần sở hữu cá nhân: 13.800 cổ phần (chiếm 0,38% vốn điều lệ) |

| | | | |
|---|----------------------|--|--|
| | | quản trị, Giám đốc | + Số cổ phần sở hữu đại diện: 0 cổ phần |
| 3 | Lê Viết Hợp | Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Giám đốc | + Số cổ phần sở hữu cá nhân: 8.900 cổ phần (<i>chiếm 0,24% vốn điều lệ</i>) + Số cổ phần sở hữu đại diện: 0 cổ phần |
| 4 | Nguyễn Đức Dũng | Thành viên Hội đồng quản trị | + Số cổ phần sở hữu cá nhân: 10.300 cổ phần (<i>chiếm 0,28% vốn điều lệ</i>) + Số cổ phần sở hữu đại diện: 0 cổ phần |
| 5 | Võ Thị Xuân | Thành viên Hội đồng quản trị | + Số cổ phần sở hữu cá nhân: 6.500 cổ phần (<i>chiếm 0,18% vốn điều lệ</i>) |
| 6 | Đình Xuân Trường | Thành viên Hội đồng quản trị, Kế toán trưởng | + Số cổ phần sở hữu cá nhân: 7.000 cổ phần (<i>chiếm 0,19% vốn điều lệ</i>) + Số cổ phần sở hữu đại diện: 0 cổ phần |
| 7 | Trần Thành Chương | Thành viên Hội đồng quản trị (<i>Miễn nhiệm từ ngày 16/06/2020</i>) | + Số cổ phần sở hữu cá nhân: 5.000 cổ phần (<i>chiếm 0,14% vốn điều lệ</i>) + Số cổ phần sở hữu đại diện: 0 cổ phần |

(Nguồn: Công ty Cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình)

⚡ Những thay đổi trong HĐQT

Căn cứ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2020 số 56/2020/BB-ĐHĐCĐ-QLXDGT về việc bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2017 – 2021:

(*) Trường hợp bổ nhiệm

- Ông Đình Xuân Trường
- Chức vụ tại Công ty trước khi bổ nhiệm: Trưởng phòng Tài chính – Kế toán
- Chức vụ được bổ nhiệm: Thành viên HĐQT
- Thời gian bổ nhiệm: Đến hết nhiệm kỳ 2017- 2021
- Ngày bắt đầu có hiệu lực: Kể từ ngày 16/06/2020.

(*) Trường hợp miễn nhiệm

- Ông Trần Thành Chương
- Không còn đảm nhận chức vụ: Thành viên HĐQT
- Lý do miễn nhiệm: Nghỉ hưu theo chế độ

- Ngày bắt đầu có hiệu lực: Kể từ ngày 16/06/2020.

b. Các tiêu bản thuộc Hội đồng quản trị

Không có.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị

✚ Kết quả thực hiện năm 2020

Bảng 16: Kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2020

| TT | Các chỉ tiêu | Thực hiện năm 2019 | Kế hoạch năm 2020 | Thực hiện năm 2020 | % So sánh với KH năm | % So sánh với thực hiện 2019 |
|----|---|--------------------|-------------------|--------------------|----------------------|------------------------------|
| 1 | Tổng giá trị tài sản | 1.170.426 | 1.170.425 | 123.640 | 10,56 | 10,56 |
| 2 | Vốn điều lệ | 36.675 | 36.675 | 36.675 | 100 | 100 |
| 3 | Tổng doanh thu | 54.536 | 56.000 | 58.272 | 104,06 | 106,85 |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế | 4.842 | 3.500 | 3.852 | 110,06 | 79,55 |
| 5 | Nộp ngân sách | 6.467 | 5.110 | 6.101 | 119,40 | 94,34 |
| 6 | Thu nhập người lao động | 7,67 | 7,6 | 7,7 | 101,31 | 100,39 |
| 7 | Phân phối lợi nhuận như sau: | 3.872 | 3.290 | 3.294 | 100,12 | 85,07 |
| - | Trích quỹ Đầu tư phát triển | 580 | 494 | 494 | 100 | 85,17 |
| - | Trích Quỹ KT, phúc lợi | 2.236 | 2.634 | 1.654 | 62,79 | 73,97 |
| - | Trích Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành Công ty | 208 | 250 | 226 | 90,40 | 108,65 |
| - | Chi trả cổ tức (đồng/ CP) | 230 đồng/CP | 250 đồng/CP | 250 đồng/CP | 100 | 108,70 |

Tổng doanh thu năm 2020 đạt 104,06% so với kế hoạch đề ra.

✚ Các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong năm 2020

Hội đồng quản trị Công ty hiện có 06 thành viên. Các thành viên HĐQT hiện nay đa số đều là thành viên kiêm nhiệm chức danh trong Ban Giám đốc của Công ty nên có thuận lợi và thống nhất ý chí và đoàn kết cùng chung vai gánh vác nhiệm vụ chung về sản xuất kinh doanh của Công ty.

Các cuộc họp của HĐQT đều tuân thủ điều lệ Công ty và quy định của pháp luật, ban hành đầy đủ nghị quyết sát thực tế và giao nhiệm vụ cho ban điều hành triển khai thực hiện; đảm bảo giám sát chặt chẽ, toàn diện hoạt động quản lý điều hành của Ban Giám đốc.

Các Nghị quyết quan trọng đã được thông qua như sau:

Bảng 17: Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ QUẢNG BÌNH

| TT | Số Nghị quyết/Quyết định | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|-----------|---------------------------------|-------------|--|------------------------|
| 1. | 53/NQ-HĐQT | 10/03/2020 | Thông qua ngày chốt danh sách quyền tham dự, dự kiến ngày, địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 vào ngày 20/04/2020 | 100% |
| 2. | 55/NQ-HĐQT | 13/04/2020 | Thông qua việc gia hạn thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 do tình hình của dịch Covid -19 | 100% |
| 3. | 54/NQ- HĐQT | 12/05/2020 | Thông qua việc bổ nhiệm Ông Lê Viết Hợp – Thành viên HĐQT, Trưởng phòng Hành chính – Tổng hợp của Công ty giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty với nhiệm kỳ 05 năm | 100% |
| 4. | 55/NQ-HĐQT | 04/06/2020 | Thông qua việc chốt danh cổ đông tham dự họp và tài liệu, nội dung cuộc họp vào ngày 16/06/2020 | 100% |
| 5. | 56/NQ-HĐQT | 16/6/2020 | Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 | 100% |
| 6. | 57/NQ-HĐQT | 23/6/2020 | Chỉ đạo triển khai thực hiện nhiệm vụ | 100% |
| 7. | 58/NQ-HĐQT | 24/7/2020 | Chỉ đạo triển khai thực hiện nhiệm vụ | 100% |
| 8. | 59/NQ-HĐQT | 28/8/2020 | Chỉ đạo triển khai thực hiện nhiệm vụ | 100% |
| 9. | 60/NQ-HĐQT | 20/11/2020 | Trích quỹ phúc lợi để hỗ trợ cho người lao động của Công ty bị thiệt hại do lũ lụt trong tháng 10/2020 gây ra. | 100% |
| 10. | 61/NQ-HĐQT | 31/12/2020 | Chỉ đạo triển khai thực hiện nhiệm vụ | 100% |

(Nguồn: Công ty Cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình)

Các cuộc họp đều được ghi biên bản, các vấn đề quan trọng đều được HĐQT ra nghị quyết kịp thời phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

Hội đồng quản trị đã thực hiện, kiểm tra, giám sát chặt chẽ hoạt động của Ban Giám đốc. Giám đốc thường xuyên chủ động báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, các khó khăn, vướng mắc trong quá trình điều hành. Hội đồng quản trị đã cùng Ban Giám đốc thảo luận, bàn bạc để đưa ra các giải pháp kịp thời, hiệu quả.

Việc thực hiện chức năng giám sát Ban Giám đốc: Có sự thống nhất giữa HĐQT và Ban điều hành.

Các hoạt động của Ban Giám đốc tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

Không có

e. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm

Không có.

2. Ban Kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Bảng 18: Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

| TT | Họ và tên | Chức vụ | Tỷ lệ sở hữu cổ phần |
|----|---------------------|--------------------------|--|
| 1 | Phạm Thị Mỹ Thủy | Trưởng Ban kiểm soát | + Số cổ phần sở hữu cá nhân: 12.700 cổ phần (chiếm 0,35% vốn điều lệ) + Số cổ phần sở hữu đại diện: 0 cổ phần |
| 2 | Hoàng Văn Dương | Thành viên Ban kiểm soát | + Số cổ phần sở hữu cá nhân: 5.300 cổ phần (chiếm 0,14% vốn điều lệ) + Số cổ phần sở hữu đại diện: 0 cổ phần |
| 3 | Nguyễn Thị Hồng Yến | Thành viên Ban kiểm soát | + Số cổ phần sở hữu cá nhân: 5.400 cổ phần (chiếm 0,15% vốn điều lệ) + Số cổ phần sở hữu đại diện: 0 cổ phần |

(Nguồn: Công ty Cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình)

b. Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2020, Ban kiểm soát đã tiến hành họp định kỳ để tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổ chức và hoạt

động của Công ty trong quá trình quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể như sau:

- Xem xét tính phù hợp của các Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành; Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty đảm bảo phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ hoạt động của Công ty; Giám sát việc thực thi pháp luật của Công ty.

- Kiểm tra, đánh giá các quy trình trọng yếu của Công ty, nhằm phát hiện rủi ro tiềm tàng hoặc những thiếu sót trong hệ thống quản lý nội bộ, từ đó đề xuất những kiến nghị và giải pháp phù hợp.

- Đại diện Ban kiểm soát tham dự và tham gia ý kiến tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị, kiểm tra giám sát việc triển khai các nội dung trong Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc.

- Giám sát việc thực thi, công bố thông tin của Công ty theo các quy định của Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Xem xét các báo cáo định kỳ do Ban Giám đốc lập: Kiểm tra các Báo cáo tài chính quý, năm nhằm đánh giá tình trung thực và hợp lý của số liệu tài chính. Đồng thời, phối hợp với Kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến Báo cáo tài chính; giám sát Ban lãnh đạo trong việc thực thi những kiến nghị do Kiểm toán viên đưa ra.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

3.1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Tất cả các thành viên Hội đồng quản trị đều hưởng thù lao tại Công ty, định mức chi phí của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm quyết định.

| STT | Nội dung | Năm 2020 (đồng) |
|------------|---|------------------------|
| 1 | Lương của Chủ tịch HĐQT; Ban Giám đốc; Trưởng ban kiểm soát | 1.808.400.000 |
| 2 | Thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát | 767.163.055 |
| | Tổng cộng | 2.575.563.055 |

(Nguồn: Công ty Cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình)

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và cổ đông lớn:

Không có

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Không có.

3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Trong năm, tất cả các bộ phận đều thực hiện tốt công tác quản trị Công ty theo Nghị định 71/2017/NĐ-CP, Thông tư 95/2017/TT-BTC, Điều lệ và Quy chế nội bộ về Quản trị công ty.

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.

Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán năm 2020 của Công ty bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO. Toàn văn nội dung Báo cáo tài chính kiểm toán 2020 được đăng trên website của Công ty tại địa chỉ: <http://www.urencoquangbinh.com.vn/>

Quảng Bình, ngày 02 tháng 04 năm 2021

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Phạm Đức Thái

Nơi nhận: 

- UBCKNN;
- Sở GD chứng khoán Hà Nội;
- Cổ đông;
- Website Công ty;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT.